

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2023/DS-ST
Ngày 22-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chánh.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Dương Chí L, sinh năm 1978 (có mặt).

2. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Văn H2 (vắng mặt).

2. Bà Dương Ánh H3, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2023 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Chí L, bà Trần Thị H1 trình bày: Vào ngày 15 tháng 9 năm 2022, ông Huỳnh Văn H2 và bà Dương Ánh H3 có vay của ông L, bà H1 số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng 5%, sau khi vay ông H2, bà H3 đã trả lãi 4 tháng với số tiền 6.000.000 đồng. Đến ngày 27 tháng 11 năm 2022 ông H2, bà H3 vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất mỗi tháng 5%, sau khi vay

ông H2, bà H3 đã trả lãi được 02 tháng với số tiền 1.000.000 đồng. Ông L, bà H1 nhiều lần yêu cầu ông H2, bà H3 trả tiền nhưng ông H2, bà H3 không trả tiền. Do đó, ông L, bà H1 yêu cầu ông H2, bà H3 trả số tiền gốc 40.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền lãi; tổng gốc và lãi là 45.000.000 đồng

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 04 tháng 8 năm 2023 bị đơn bà Dương Ánh H3 trình bày: Vào ngày 15 tháng 9 năm 2022 bà có vay của ông L, bà H1 số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng 5%, sau khi vay có trả lãi cho ông L, bà H1 được một thời gian nhưng không nhớ cụ thể số tiền đã trả lãi. Đến ngày 27 tháng 11 năm 2022 bà tiếp tục vay của ông L, bà H1 số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất mỗi ngày 50.000 đồng, bà đã trả lãi được số tiền 500.000 đồng. Bà thừa nhận chữ ký và chữ viết tên Dương Ánh H3 trong biên nhận do ông L, bà H1 cung cấp là chữ ký và chữ viết của bà, biên nhận do bà H1 viết, chữ ký và chữ viết tên Huỳnh Văn H2 là do bà ký và viết thay cho ông H2. Bà vay tiền về để trả nợ và sử dụng chung trong gia đình nên bà thừa nhận số tiền nợ ông L, bà H1 là nợ chung của bà với ông Huỳnh Văn H2. Bà đồng ý trả cho ông L, bà H1 số tiền 40.000.000 đồng, bà yêu cầu ông L, bà H1 giảm tiền lãi.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn H2 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông H2 vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của ông L, bà H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Dương Chí L, bà Trần Thị H1 khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn H2, bà Dương Ánh H3 trả tiền vay và lãi suất. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Huỳnh Văn H2 và bà Dương Ánh H3 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn H2 và bà Dương Ánh H3.

[3]. Tại phiên tòa ông L, bà H1 cho rằng ông Huỳnh Văn H2 và bà Dương Ánh H3 có vay hai lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng, ông L bà H1 yêu cầu ông H2, bà H3 trả số tiền gốc và lãi là 45.000.000 đồng. Tại biên bản ghi lời khai 04 tháng 8 năm 2023 bà Dương Ánh H3 thừa nhận có vay của ông L, bà H1 hai lần số tiền tổng cộng 40.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho ông L, bà H1 số tiền 40.000.000 đồng, bà xin tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Dương Ánh H3 có vay của ông L, bà H1 số tiền 40.000.000 đồng là thực tế có xảy ra. Bà H3 cho rằng vay tiền về sử dụng chung trong gia đình và bà H3 vay trong thời kỳ hôn nhân với ông Huỳnh Văn H2 nên đây là nợ chung của ông H2 và bà H3, Do đó, ông L, bà H1 yêu cầu ông H2, bà H3 trả số tiền gốc 40.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về lãi suất: Lãi suất thỏa thuận giữa ông Dương Chí L với bà Trần Thị H1 mỗi tháng 5%. Xét thấy lãi suất thỏa thuận giữa ông L, bà H1 với ông H2, bà H3 là cao hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được điều chỉnh lại cho phù hợp. Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Lãi suất năm được tính là 20%, lãi tháng là 1,66%, lãi ngày là 0,055%. Đối với khoản tiền vay 30.000.000 đồng từ ngày 15 tháng 9 năm 2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22 tháng 8 năm 2023 là 11 tháng 7 ngày. Như vậy tiền lãi sẽ là $(30.000.000đ \times 11 \text{ tháng} \times 1,66\%) + (30.000.000đ \times 11 \text{ ngày} \times 0,055\%) = 5.993.500$ đồng. Đối với khoản tiền vay 10.000.000 đồng từ ngày 27 tháng 11 năm 2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22 tháng 8 năm 2023 là 09 tháng 25 ngày. Như vậy tiền lãi sẽ là $(10.000.000đ \times 9 \text{ tháng} \times 1,66\%) + (10.000.000đ \times 25 \text{ ngày} \times 0,055\%) = 1.631.500$ đồng; tổng hai khoản lãi 7.225.000 đồng. Tại phiên tòa ông L bà H1 xác định trong quá trình vay ông H2 và bà H3 đã trả lãi cho ông L, bà H1 số tiền 7.000.000 đồng nên số tiền lãi còn lại là 7.225.000 đồng – 7.000.000 đồng = 225.000 đồng. Do đó, ông H2, bà H3 có nghĩa vụ trả cho ông L, bà H1 số tiền tổng gốc và lãi với số tiền 40.225.000 đồng.

[5]. Tại phiên tòa ông L, bà H1 yêu cầu ông H2, bà H3 trả tổng số tiền gốc và lãi là 45.000.000 đồng, như phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tổng gốc và lãi là 40.225.000 đồng nên phần yêu cầu của ông L, bà H1 không được chấp nhận là 45.000.000 đồng - 40.225.000 đồng = 4.775.000 đồng.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Dương Chí L, bà Trần Thị H1 không được chấp nhận một phần nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng, ông L, bà H1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.250.000 đồng được đối trừ chuyển thu án phí; ông L, bà H1 được nhận lại 950.000 đồng. Ông Huỳnh Văn H2 và bà Dương Ánh H3 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 40.225.000 đồng x 5% = 2.011.250 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự và áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Chí L, bà Trần Thị H1. Buộc ông Huỳnh Văn H2, bà Dương Ánh H3 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Chí L, bà Trần Thị H1 số tiền 40.225.000 đồng (bốn mươi triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Chí L, bà Trần Thị H1 về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn H2, bà Dương Ánh H3 trả số tiền 4.775.000 đồng (bốn triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

3. Về án phí:

Ông Dương Chí L, bà Trần Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0018901 ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; ông L, bà H1 được nhận lại 950.000 đồng (chín trăm năm mươi ngàn đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Huỳnh Văn H2, bà Dương Ánh H3 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.011.250 đồng (hai triệu không trăm mười một ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Triều